

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 8 - 2026

*“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng
và tranh chấp về nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Khoa, bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án Tòa án nhân
Khu vực 7 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2026/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn N, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn M, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Hà Văn M trình bày:*

Ông M và bà Lê Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn.

Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay thấy tình cảm giữa hai bên dành cho nhau không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho ông M và bà T.

Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Hà Duy Bình, sinh ngày 21/01/2010 và Hà Duy Minh (đã chết năm 2024). Từ khi 02 ông bà ly thân, ông M là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà Duy Bình. Ông M hiện nay có nơi ở và thu nhập ổn định, còn bà T hiện nay đã kết hôn với người khác, thường đi làm ăn xa. Vì vậy, sau khi không quan hệ vợ chồng với bà T, ông M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Duy Bình cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020, bị đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Bà T đồng ý với ý kiến trình bày của ông M về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Bà T hiện nay không còn tình cảm với ông M nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ cho bà T và ông M.

Về con chung: Bà T, ông M có 02 con chung là Hà Duy B, sinh ngày 21/01/2010 và Hà Duy M (đã chết năm 2024). Sau khi không quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông M. Bà T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Duy B cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Các đương sự đều chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Luật tố tụng dân sự; Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn M.

+ Quan hệ về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Hà Văn M và bà Lê Thị T là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao con chung Hà Duy B, sinh ngày 21/01/2010 cho ông Hà Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung Hà Duy B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hà Văn M khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng cho ông M và bà T, yêu cầu giải quyết về con chung.

Theo quy định tại khoản 8 Điều 28 BLTTDS, đây là yêu cầu “Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Ea Kar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Văn M và bà Lê Thị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà T.

[2] Về hôn nhân: Ông Hà Văn M và bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, có làm lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông bà là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Ông bà chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến ông bà sống đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn ông M và bị đơn bà Lê Thị T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 02 con chung: Hà Duy B, sinh ngày 21/01/2010 và Hà Duy M (đã chết năm 2024). Sau khi không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T, ông M và bà T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Hà Duy B cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho ông M hoặc bà T trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên nhằm đảm bảo về vật chất và tinh thần, cũng như sự phát triển toàn diện cho con chung như: có nơi ở ổn định, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định để đảm bảo vật chất cho con cũng như thời gian chăm sóc con, giáo dục con để đảm bảo về tinh thần cho con.

Từ khi 02 ông bà ly thân, ông M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Hà Duy Bình, ông M có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu Bình cũng có nguyện vọng được ở với ông M. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của LHNGĐ, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của ông M. Giao con chung Hà Duy Bình, sinh ngày 21/01/2010 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông M không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập để giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Hà Văn M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn M.

- Quan hệ về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Hà Văn M và bà Lê Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung Hà Duy B, sinh ngày 21/01/2010 cho ông Hà Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hà Văn M không yêu cầu bà Lê Thị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông M và bà T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Ông Hà Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng ông M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: **0001060 ngày 24/7/2026** của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường Anh